

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/DS-ST  
Ngày 26-3-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
góp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Phượng

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Trần Văn Nhị

2/ Ông Bùi Mạnh Quyết

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện X.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện X tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thường Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 466/2023/TLST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐST-DS, ngày 20/02/2024 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1981 và ông Trần Long V, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã NT, Huyện X, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988 và ông Phạm Nguyễn Kiến Qu, sinh năm 1982. Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã NT, Huyện X, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt.)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Trần Long V và trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông bà có tham gia 02 dây hui do bà Nguyễn Thanh T, ông Phạm Nguyễn Kiến Qu làm chủ như sau:

Dây hui thứ 1: Hui 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu tiên vào ngày 10/10/2022 (âm lịch), tổng cộng 16 phần. Ông bà tham gia 01 phần, tên trong phiếu hui “Anh VD” số thứ tự 14. Ông bà đã đóng được 13

kỳ là 45.500.000 đồng.

Dây hội thứ 2: Hội 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu tiên vào ngày 25/9/2023 (âm lịch), tổng cộng 15 phần. Ông bà tham gia 03 phần. Do hội mới mở, nên ông Qu, bà T chưa có đưa phiếu hội cho hội viên. Ông bà đã đóng được 10.500.000 đồng.

Ông bà chưa hót hội nhưng nay hội đã bể. Ông Qu có hứa trả cho ông bà 56.000.000 đồng nhưng nay không liên lạc được với ông Qu, bà T, nên khởi kiện yêu cầu ông Qu, bà T trả lại cho ông bà số tiền đã đóng của hai dây hội là 56.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

\* Bị đơn ông Phạm Nguyễn Kiến Qu trình bày tại bản tự khai ngày 07/12/2023 có nội dung như sau: Số tiền hội của bà D là 47.000.000 đồng. Ông đưa ra 2 cách giải quyết nợ là khi nào bán được nhà thì ông sẽ trả, nếu sau 3 tháng không bán được tài sản thì ông sẽ trả dần cho bà D bằng với thời gian mà bà D đóng hội là 17 tháng.

\* Bị đơn bà Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các tài liệu, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải và kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nhưng đều vắng mặt trong các buổi làm việc do Tòa án triệu tập, không cung cấp bản tự khai hay có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, ông V.

Tòa án tiến hành thụ lý và hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện X phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Nguyễn Thanh T, ông Phạm Nguyễn Kiến Qu dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Giấy chốt nợ ngày 07/12/2023, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả 56.000.000 đồng tiền hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng góp hội được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, căn cứ nơi cư trú của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân Huyện X, tỉnh Long An được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt suốt quá trình tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nên Tòa án giải quyết vắng mặt những đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại bản tự khai ngày 07/12/2023 của ông Qu xác định số tiền hui phải trả cho bà D là 47.000.000 đồng (không ghi cụ thể của dây hui nào). Bà D cho rằng số tiền này không chính xác. Vợ chồng bà đã đóng tiền của hai dây hui là 56.000.000 đồng. Bà D cung cấp “Giấy chốt nợ ngày 07/12/2023” thể hiện ông Qu thống nhất trả tiền của 2 dây hui như sau: Dây hui khai ngày 10/10/2022 số tiền phải trả là (3.500.000 đồng x 13 phần = 45.500.000 đồng); Dây hui khai ngày 25/9/2023 là 10.500.000 đồng, tổng cộng là 56.000.000 đồng. Bà D và ông Qu có ký và viết họ tên. (Giấy chốt nợ ngày 07/12/2023 được lập tại Trung tâm hòa giải của Tòa án.)

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Qu, bà T không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc phủ nhận “Giấy chốt nợ ngày 07/12/2023” và vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa triệu tập. Do đó, căn cứ vào Giấy chốt nợ ngày 07/12/2023 xác định ông Qu, bà T còn nợ bà D, ông V số tiền hui là 56.000.000 đồng.

Bà D xác định sau khi chốt nợ cho đến nay vợ chồng ông Qu không có trả cho vợ chồng bà bất kỳ khoản tiền nào. Ông Qu, bà T không cung cấp được tài liệu chứng minh là đã trả tiền nợ hui cho bà D, ông V nên đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Bà D, ông V không yêu cầu ông Qu, bà T trả lãi suất của số tiền hui đã đóng là sự tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên được ghi nhận.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ hui:

Xét thấy, bà T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không phản đối gì về việc nguyên đơn yêu cầu bà và ông Qu có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hui. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình, bà T và ông Qu phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D, ông V 56.000.000 đồng.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện X.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Qu, bà T phải liên đới chịu 2.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 166, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, hiệu, họ, họ;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Long V đối với bà Nguyễn Thanh T, ông Phạm Nguyễn Kiên Qu về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

Buộc bà Nguyễn Thanh T, ông Phạm Nguyễn Kiên Qu phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Long V số tiền là 56.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thanh T, ông Phạm Nguyễn Kiên Qu phải liên đới chịu 2.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Long V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần Long V 1.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008056 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện X, tỉnh Long An.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản án.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Lê Thị Mỹ Phượng**